

# SỰ RA ĐỜI, TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KHO TÀNG QUAM CHIẾN LÁNG (TỤC NGỮ) THÁI Ở VIỆT NAM

LÒ THỊ HỒNG NHUNG \*

**Tóm tắt:** Hoàn cảnh địa lý tự nhiên, hoàn cảnh kinh tế - xã hội và văn hóa là cái nôi ra đời, là môi trường tồn tại và phát triển kho tàng *quam chiến lán* (tục ngữ) của người Thái ở Việt Nam. Việc tìm hiểu các mối quan hệ kho tàng *quam chiến lán* với môi trường địa lý tự nhiên, với môi trường kinh tế - xã hội và văn hóa sẽ giúp chúng ta tiệm cận với lịch sử ra đời, tồn tại và phát triển của kho tàng tục ngữ Thái, hiểu hơn và đánh giá đúng hơn các giá trị của *quam chiến lán*. Đó cũng chính là cơ sở giúp chúng ta hiểu sâu hơn về đặc điểm ngôn ngữ Thái và bản sắc văn hóa của cộng đồng dân tộc Thái ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Quam chiến lán Thái, ngôn ngữ Thái, người Thái ở Việt Nam.

**Abstract:** Natural geographic, socio-economic, and cultural circumstances have created favorable conditions for *quan chien lang* (Thai Proverbs) to arise, exist, and develop in Vietnam. Understanding the relationship between *quan chien lang* with the natural geographic, socio-economic, and cultural contexts will help us approach the history of the establishment, existence, and development of the treasure of Thai Proverbs and have a better awareness of their values. That gives us opportunities to have a deeper understanding of Thai Language and the typical identity of Thai People in Vietnam.

**Keywords:** Thai proverb, Thai language, Thai people in Vietnam.

## 1. Dẫn nhập

Tục ngữ là tia hồi quang của đời sống hiện thực và con người. Tìm hiểu các giá trị của tục ngữ là tìm hiểu những biểu đạt cuộc sống của nó đạt tới tầm giá trị nào. Đối với kho tàng tục ngữ của một dân tộc thiểu số như dân tộc Thái mà thiếu đi cái nhìn tổng quan về môi trường địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa - nơi ra đời của những câu

tục ngữ - thì con đường đi đến với vẻ đẹp nội dung và hình thức của tục ngữ Thái sẽ bị đóng kín. Với lý do đó, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ đặt các câu *quam chiến lán* của người Thái trong môi trường địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa của dân tộc Thái ở Việt Nam với mục đích: cung cấp một cái nhìn tổng thể về cái nôi ra đời, về môi trường tồn tại và phát triển của kho tàng *quam chiến lán* Thái đồng thời sẽ là cơ sở giúp chúng ta hiểu đúng hơn, hiểu sâu hơn về các giá trị biểu đạt của các câu tục ngữ Thái nói riêng, qua đó mở rộng nâng cao những kiến thức về cuộc sống, con người và văn hoá của đồng bào Thái.

Thuật ngữ *quam* có nghĩa là tiếng nói (ngôn ngữ), *chiến lán* có nghĩa là lời truyền, lời để lại. *Quam chiến lán* của người Thái được hiểu là những lời truyền của người xưa để lại. Đó là những lời nói, những câu nói quý hơn vàng bạc, cần phải lưu giữ *quam chiến lán nha vang xia la* (Lời xưa truyền lại chớ bỏ phí hoài) [2, tr.419]. Đây là những câu (phát ngôn) ngắn gọn, có vần điệu, có cấu trúc tương đối ổn định, được định hình trong lời nói và trong ký ức của cộng đồng dân tộc Thái thường được cảm nhận theo cách loại suy và liên tưởng.

*Quam chiến lán* của người Thái ở Việt Nam là một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt, là những phát ngôn đặc biệt. Ngoài chức năng giao tiếp, *quam chiến lán* còn là một công cụ để tư duy, là phương tiện nghệ thuật đặc biệt để truyền tải tư tưởng tri thức, kinh nghiệm của dân tộc Thái được đúc rút từ thực tiễn cuộc sống. *Quam chiến lán* ngày nay được hiểu tương đương với khái niệm *tục ngữ*, là những câu tục ngữ do cộng đồng người

\* ThS - Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email: lothihonghungsla@gmail.com

Thái ở Việt Nam sáng tạo nên.

## 2. Mỗi quan hệ của kho tàng *quam chiến lán* với môi trường địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hoá của người Thái ở Việt Nam

### 2.1. Mỗi quan hệ của kho tàng “*quam chiến lán*” với môi trường địa lý tự nhiên

Nằm trong thành phần của dân tộc Việt Nam, sau người Tày, người Thái là dân tộc thiểu số đông thứ hai ở Việt Nam. Với tên gọi *phủ Táy, cón Táy* (người Thái), họ đã có một ý niệm thống nhất về những người đồng tộc của mình, họ ý thức rất rõ về nguồn cội của mình *Cốc mường té chũa pâu/Hầu mường té chũa lang/Cai lai pang cái chiến thâng khay* (Gốc mường từ thời cổ/Rễ mường từ thời xưa/Truyền bao đời để lại đến ngày nay) [2, tr.135]. Ý thức này còn được thể hiện rất rõ trong tâm lý *Hặc bản, panh mường* (Yêu bản, mến mường), quyết tâm xây dựng quê hương thành một vùng đất giàu có của đất nước. Theo kết quả của cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân tộc Thái ở nước ta có hơn 1,5 triệu người, cư trú tập trung dọc dải miền Tây của tổ quốc, ở các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái, Lào Cai, miền tây Thanh Hóa và Nghệ An. Sau năm 1954 có một số bộ phận đồng bào Thái di cư vào sinh sống tại các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng.

Người Thái có những lời ca nổi tiếng ca ngợi vẻ đẹp quê hương đồng thời đó cũng như một lời giới thiệu khéo léo về địa bàn cư trú của mình:

*Tông na hau vang quăng*  
*Khẩu muôn hừa xúc lương*  
*Pá pu xung kheo ỏm*  
*Nộc én bin xẻo*  
*Bản nọng xuong*  
*Muong pì cọ xuong*  
*Mua khẩu lương ma na*  
 (Đồng ruộng ta mệnh mông  
 Lúa chín vàng óng ả  
 Núi xanh thăm bao quanh  
 Chim én sải lượn nhanh  
 Bản em vui,  
 Mường anh cũng rộn,  
 Khi lúa chín khắp đồng)

(*Mùa vàng*) [1, tr.213]

Địa bàn cư trú của người Thái ở Việt Nam là những vùng đất có địa hình phong phú. Đó là những miền đất của những dãy núi cao thấp gối kề nhau, chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam xen lẫn với những vùng cao nguyên rộng lớn, những bình nguyên lòng chảo được hình thành trên cấu trúc của hệ thống đá vôi, thung lũng sâu với các dòng chảy của các con suối khi êm đềm, khi dữ dội. Đó còn là miền đất của những cánh rừng già đã được hình thành từ rất lâu đời với quần thể động thực vật vô cùng phong phú. Khí hậu nhiệt đới phức tạp, thời tiết mỗi vùng một khác, lại hay thay đổi đột ngột. Mùa khô lạnh với trận gió mùa Đông Bắc, với sương muối bao phủ; mùa mưa với những trận mưa rừng kéo dài, độ ẩm cao; mùa xuân rực rỡ với hoa ban nở trắng trời, rừng cây xanh lá,... Tất cả tạo nên một vùng đất có địa hình phong phú, đa dạng. Thiên nhiên vừa hùng vĩ vừa khoáng đạt, nên thơ với đủ màu sắc, đủ hoa trái, đủ loại động thực vật sinh sôi, nảy nở. Và nếu như người Thái ở Vân Nam - Trung Quốc sinh sống ở *Xíp xoong păn ná* (Mười hai nghìn ruộng), ở *Cầu păn ná* (Chín nghìn ruộng) vùng Bắc Lào, ở *Lan ná* (Một triệu ruộng) vùng Đông Bắc Thái Lan thì ở Việt Nam người Thái sinh sống ở vùng các cánh đồng phì nhiêu màu mỡ, rộng nhất Tây Bắc được phản ánh trong câu *quam chiến lán*: *Xi tông quăng Thanh, Lò, Than, Tác* (Bốn cánh đồng rộng, Thanh, Lò, Than, Tác) [2, tr.687].

Môi trường tự nhiên như vậy tạo nên môi trường sống khép kín bao quanh bởi núi tiếp núi trập trùng, rừng tiếp rừng xanh thẳm. Con người sống với thiên nhiên, dựa vào thiên nhiên và chia sẻ mọi điều cùng thiên nhiên:

*Nham bók pục, đất bók pục nằng coong*  
*Nham bók toong, đất bók toong nằng thả*  
*Nham bók mạ, đất bók mạ nằng thả lướm lay*  
 (Mùa hoa bưởi, ngắt hoa bưởi ngồi trông  
 Mùa hoa vông, ngắt hoa vông ngồi chờ  
 Mùa hoa mạ, ngắt hoa mạ, ngồi ngắm đợi hoài)  
 (*Xống chụ xon xao*) [1, tr.124]

Khung cảnh thiên nhiên với núi rừng, sông suối, đất đai không đơn thuần là cảnh quan môi trường sinh thái mà còn là cội nguồn cho sự sống con người, là mạch ngầm nuôi dưỡng tâm hồn, nuôi dưỡng cảm hứng cho bao sáng tác thơ văn. Ở

đó, tràn đầy âm hưởng của thiên nhiên, đong đầy hơi thở của núi rừng và không khí nào voi cạn cái trong trẻo, tinh khôi của nước nguồn khe suối. Những điều kiện tự nhiên ấy được phản ánh rất rõ trong nội dung những câu *quam chiến lạng* Thái. Điều này lý giải vì sao trong *quam chiến lạng* của người Thái Việt Nam xuất hiện hàng loạt những hình ảnh gắn liền với không gian miền núi. Từ những loài thú lớn trong rừng: voi, hổ, gấu, hoẵng, tê giác, hươu, nai,... *Quang hảo báu to xua hau* (Nai khoẻ không bằng hổ ốm) [2, tr.614], *Ngúa quai huôm púng nhả/Chạng mạ huôm púng phiêng* (Trâu bò chung bãi cỏ/Voi ngựa chung đôi gianh) [2, tr.445]; đến những loài vật bé nhỏ như cú mèo, ong, chim, gà rừng, con ốc, con ếch, con cua ở khe suối *Nậm thuôm xa lăng cốp, cốp chăng o* (Nước ngập lưng ếch, ếch mới kêu) [2, tr.441], *Nộc cốt cãm báu lóng đin* (Chim phượng hoàng không xuống đất) [2]; đến những cái cây, hoa, quả chỉ có ở rừng miền núi: *bók mạ, bók ban* (hoa ban), hoa chuối rừng, lá dong *tong chinh*, ngọn măng, xoan rừng, cây dẻ, cành gai, quả si, quả vả *Mák háy xúc bán cả/Mák há xúc lăm ná* (Quả si chín gieo mạ/ Quả vả chín cây lúa) [2, tr.372], *Pi toong nhóng ca/Nó náng khăng mạy* (Hoa chuối, hoa se/Măng non, nấm rừng) [2, tr.587],... Tất cả góp mặt tạo nên những hình ảnh mang đậm bản sắc tộc người trong *quam chiến lạng* Thái.

## 2.2. *Mối quan hệ của kho tàng “quam chiến lạng” trong môi trường kinh tế - xã hội của người Thái ở Việt Nam*

Sinh sống trong hoàn cảnh địa lý như thế, người Thái ở Việt Nam có những đặc trưng rất riêng về đời sống kinh tế - xã hội. Dân tộc Thái là dân tộc có bề dày lịch sử. Sau nhiều thế kỷ “thiên di” nhọc nhằn trên bước đường chinh chiến tìm *Mường*, người Thái ở Việt Nam đã sớm sinh tụ ở dải đất Tây Bắc của Tổ quốc. Họ cư trú ổn định theo các cánh đồng lớn, mở rộng diện tích canh tác bằng cách làm ruộng ven sông, ven suối, lại sớm có nền văn minh lúa nước với nhiều bài học trong công tác làm thủy lợi. Họ đã nghĩ ra hệ thống tưới tiêu rất độc đáo, phù hợp với địa hình đồng ruộng miền núi, được đúc kết trong câu *quám chiến lạng* ngắn gọn *Mương, phai, lái, lín* (Mương, đập, chặng, máng) [2, tr.419]. Bốn khâu dẫn nước vào ruộng của người Thái: mương dẫn, đập chắn, chặng ngăn, máng để đưa dẫn nước vào ruộng với

mọi địa hình. Chính hệ thống tưới tiêu này đã làm nên nét đặc trưng khá cơ bản của văn hóa Thái, như cách gọi của các nhà văn hóa đó là *văn hóa thung lũng*. Người Thái sống tự cấp, tự túc. Họ làm nương rẫy để trồng thêm lúa, ngô, khoai, sắn và các loại hoa màu khác như vừng, lạc, đậu, đỗ. Họ nuôi trâu, bò để đảm bảo sức kéo và chăn nuôi gia cầm như gà, vịt, ngan, ngỗng để cung cấp thực phẩm. Hai nguồn dựa chủ yếu của cộng đồng này là rừng và sông suối. Người Thái rất tài tình và khéo léo trong việc đan lát, thêu thùa, có nhiều kinh nghiệm trong nghề dệt truyền thống của dân tộc mình. Từ trồng bông đến chế biến sợi, dệt, tạo hoa văn, tạo mẫu trên những chiếc khăn piêu, váy, áo côm,... Những điều kiện kinh tế - vật chất trên ảnh hưởng đậm nét đến đời sống văn hóa tinh thần và liên quan chặt chẽ tới quan niệm sống của người Thái qua các thời đại.

Xã hội Thái cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một xã hội thuộc thời kỳ đầu của chế độ phong kiến. Đơn vị hành chính lớn nhất là mường, dưới mường là phía, là bản. Bộ máy cai trị bao gồm: Chầu mường, Tạo phía, Tạo bản, hoàn chỉnh về nội chính, quân sự, ngoại giao. Các lãnh chúa cai trị mỗi vùng theo quy luật cổ truyền, *luật đời xưa*. Xã hội Thái có hai tầng lớp chính: quý tộc, quan lại và dân gánh vác *cuông, nhóc, pua, pai*. Quan hệ giữa hai tầng lớp này theo hệ thống khép kín từ trên xuống. Quý tộc quan lại dựa vào *luật đời xưa*, luật của Then để cai trị; người dân tin tưởng mình đang làm đúng ý Then, tin tưởng luật đó là chân lý. Đây là nếp nghĩ đã ăn sâu vào tiềm thức người Thái xưa khiến ngay cả những nạn nhân bị bóc lột, bị vùi dập cũng vẫn tin mình đang được hưởng lễ công bằng. Điều này lý giải vì sao mâu thuẫn giai cấp gay gắt tồn tại không nhiều trong các tác phẩm dân gian mà phần đa đều là những lời răn nhủ.

Xã hội Thái còn tồn tại hệ thống cai trị phân hồn gồm những *Mo, Chang* từ mường xuống bản, được ấn định rõ ràng: *Xính Lường dệt Mo/Xính Lò dệt Tạo* (Họ Lường làm Mo/Họ Lò làm Tạo) [2, tr.290]. Đây là những người am hiểu vốn văn hóa cổ truyền của dân tộc, chuyên trách việc cúng tế tổ tiên, biên soạn tập tục, lễ nhạc. Họ là cầu nối giữa quý tộc, quan lại với dân, gắn bó với dân. Họ thực sự là những nghệ nhân dân gian.

Người Thái Việt Nam ở nhà sàn, mỗi nếp nhà

sàn là một đơn vị gia đình. Nhà sàn thường làm bằng gỗ, bằng tre, cấu trúc hình tròn khum tựa mai rùa, có *khau cút* đặt trên đầu hồi. *Quám chiến láng* có câu miêu tả rất cụ thể không gian nhà sàn Thái *Hươn hạn quán sung* (Nhà gác sàn cao) [2, tr.253].

Đồng bào Thái có một tâm lý thống nhất là cần cù trong lao động và dũng cảm trong đấu tranh. Tâm lý này được biểu hiện rất rõ trong nội dung của câu tục ngữ *Hặc phủ hanh/Panh phủ dượn* (Yêu người khỏe, mến người chăm làm) [2, tr.221], *Mường xác panh cốn han* (Mường loạn trọng người hùng) [2, tr.422],... Tính tình họ thật thà, chất phác, giản dị, làm nhiều nhưng nói ít. Đặc điểm này đã được tục ngữ ghi lại *Nặm xaw chau xu/Dệt xư cợ mặc* (Lòng thẳng như nước trong/ Làm thế nào người ta cũng thích) ai cũng thích những người có tâm hồn trong sáng, ngay thẳng [2, tr.441], *Xắc dệt mấn dượn, báu đẫy quám lai* (Chăm làm cố sức làm tới, chứ không nên lảm lòi) [2, tr.284]. Họ ưa tính từ tốn chứ không hay dữ dội nôn nóng *Coi dệt nọi mừa sú lương mấn há puông hang chạng* (Làm từ nhỏ đến lớn nó mới tỏa đuôi voi). Quan hệ gia đình và hôn nhân của người Thái có những đặc trưng khu biệt. Người Thái xưa sống thành đại gia đình, ông bà, bố mẹ, con cháu sống chung một mái nhà. Sinh hoạt gia đình đậm ấm, vợ chồng ít có trường hợp cãi cọ, mắng chửi nhau hoặc cha mẹ ít mắng chửi con cháu. Đàn ông thì sóc vác, chăm chỉ, ưa uống rượu và thường dùng rượu để thổ lộ tâm tình. Phụ nữ thì trung hậu, đảm đang, thương yêu chồng con hết mực. Quan hệ họ hàng giữa các gia đình rất chùng chéo, phức tạp. Người Thái rất coi trọng tình họ hàng thân thuộc này. Quan hệ trong gia đình, thân tộc của người Thái bị ràng buộc bởi ba mối quan hệ mà tiếng Thái gọi là *ái nọng, lúng ta* và *nhính xao*. Đó là quan hệ *báu ái, cợ noọng* (không anh, cũng em), không anh em phía vợ cũng anh em phía mẹ, phía bà *báu lúng cợ ta* và không anh em phía chồng các chị gái, cũng là anh em phía chồng các con gái *báu nhính, cợ xao*. Họ lấy tình cảm làm tiêu chuẩn, làm thước đo nhân cách, cách ứng xử của một con người. Và đó cũng là những *Quám xon cốn* (Lời răn người): *Pi noọng ma/lung ta tẩu/lẩu xú mu ha* (Anh em đến, họ ngoại tới, phải có rượu, lợn đón tiếp) [2, tr.586] hay câu *Pi noọng tắt công lín báu khát/tốc cầu lạt báu xia* (Anh em như thể dùng dao chém dòng nước chảy trên máng không bao giờ

đứt, cho dù có đi đến chín chợ (ý đi bốn ba phiên bạt) cũng không thể bỏ được) [2, tr.587]. Cuộc sống xã hội vì vậy mà mang tính cộng đồng rất sâu sắc.

Tính chất phức tạp của xã hội còn thể hiện ở tục lệ cưới xin và nghi lễ ma chay, cúng tế nặng nề. Việc dựng vợ gả chồng được quy định bằng những luật tục chặt chẽ và phức tạp. Tuy là bất thành văn nhưng ai cũng phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt, nếu không sẽ bị xã hội lên án, không chấp nhận. Theo đó, hôn nhân là hôn nhân gả bán *ngán ca hua*. Người con trai muốn lấy được vợ phải đến xin ở rể *khươi mia*, làm lụng cho nhà cô gái nhiều năm trời, nộp đủ đồ sính lễ, tiền bạc do nhà gái thách cưới. Người con gái khi đó trở thành vật sở hữu, chịu mọi sự điều khiển của chồng. Tục lệ nặng nề trong hôn nhân là trở ngại đối với tình yêu đôi lứa. Và trên thực tế đã có nhiều nước mắt đau đớn tủi hờn nhỏ xuống trên những lời hát khấp vì tình yêu bị chia rẽ, yêu nhau chẳng lấy được nhau. Quan niệm của người Thái về tình yêu rất giàu nhân bản và dân chủ. Trai gái đến tuổi có thể tìm hiểu, hẹn thề tự do và đã yêu nhau là phải chung thủy. Chung thủy không chỉ là vấn đề giữ trọn thể xác (trinh tiết) mà còn là vấn đề ân tình, ân nghĩa. Đó là thứ tình yêu duy nhất hết lòng hết dạ của đôi trai gái yêu nhau suốt đời thậm chí ở cả kiếp sau. Như vậy, hôn nhân ở đây không đồng nhất với tình yêu. Duyên vợ chồng “do Then bày đặt” còn tình yêu là do lẽ trời tạo ra, người Thái vì thế mới có cách gọi *Chụ*. *Chụ* là người tình (chứ không phải là vợ chồng), là một phần thiêng liêng đẹp đẽ trong tình cảm của mỗi con người vì *Xíp nén báu to nén chụ cáu* (Mười nén không bằng một nén của người tình cũ) [2, tr.692].

### 2.3. Mối quan hệ của kho tàng “quám chiến láng” trong môi trường văn hoá của người Thái ở Việt Nam

#### 2.3.1. Mối quan hệ với tôn giáo tín ngưỡng của người Thái

Các nhà nghiên cứu dân tộc học đều khẳng định tôn giáo của người Thái hầu như không bị ảnh hưởng, xâm nhập của tôn giáo bên ngoài mà chủ yếu là tôn giáo nguyên thủy, tôn giáo bản địa.

Người Thái quan niệm thế giới gồm hai cõi: cõi đất và cõi trời. Cõi đất có tên là *Muong Din*, là nơi người làm lụng, sinh sống. Cõi trời có tên là *Muong Phạ*, là nơi sinh sống của các *phi* (ma,

thân, hồn) - những lực lượng điều khiển và quyết định sự tồn tại cuộc sống của con người. Theo truyền thuyết dân gian Thái, sự sống của con người là do hồn và xác kết hợp với nhau hài hòa mà thành. Nếu một trong hai yếu tố đó mất đi thì con người không còn sự sống. Hồn do *me bầu* (bà mẹ) nặn rồi cho vào khuôn đúc còn hồn *me bầu* cho xuống trần gian tìm nhập xác dưới hạ giới để đầu thai thành người với thời hạn một trăm năm. Người Thái rất tin ở số và mệnh *Minh, Nén*. Họ luôn tôn trọng và giữ gìn phần hồn. Họ thờ cúng nhiều ma, đa thần *lai phi*. Những quan niệm này đã ăn sâu bám rễ trong tâm hồn, trong cuộc sống của người Thái qua nhiều thế hệ và chi phối đời sống tinh thần - văn hoá của họ mà biểu hiện rõ rệt nhất là văn hóa dân gian Thái trong đó có tục ngữ.

### 2.3.2. Mối quan hệ với văn hóa, văn nghệ dân gian Thái

Trong thế giới nghệ thuật của dân tộc Thái, họa tiết thổ cẩm, múa, âm nhạc khá phát triển. Nghệ thuật là sản phẩm văn hóa tinh thần của nhân dân. Nó mang nhiều sắc thái của tâm lý, tình cảm cổ truyền của một tộc người. Các cô gái Thái xưa nay vốn rất nổi tiếng với đôi bàn tay khéo léo trong nghề thêu dệt *Khuôm mưt pên lái/Hai mưt pên bók* (Úp bàn tay đã thành hoa văn/Ngừa bàn tay đã thành hoa lá) [2, tr.293], *Nhình hụ dệt phai, trái hụ san he* (Gái biết dệt vải, trai biết đan chài) [2, tr.483]. Họa tiết thổ cẩm thường được sử dụng trong việc dệt mặt chăn, thêu mặt gối và khăn piêu,... với rất nhiều màu sắc sỡ, màu tươi như đỏ chọi, vàng rực, xanh da trời, tím,... Hàng bao đời nay những họa tiết thổ cẩm, những tấm thổ cẩm Thái đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, chứa đựng nhiều giá trị văn hóa tộc người.

Một trong những sinh hoạt văn nghệ phổ biến nhất của đồng bào là hình thức múa tập thể. Đó là lối múa của một số đồng người cầm tay nhau quay thành vòng tròn để rồi bước vào, lùi ra uyển chuyển đều đặn theo nhịp 2/4 của trống chiêng. Người Thái gọi lối múa tập thể này là *xé vóng* (múa vòng), múa xòe. Bên cạnh múa, âm nhạc của dân tộc Thái cũng rất phát triển. Âm nhạc Thái có nhiều làn điệu khác nhau: *quam khấp* (hát thơ), *khấp báo xao* (hát giao duyên gái trai), *khấp chiêu* (hát reo), *khấp mo* (giọng hát của những *Mo, Chang* (thầy cúng) dùng để biểu đạt tứ thơ trong tôn giáo, để diễn ca các tập thơ trong lịch sử) kết

hợp với nhiều nhạc khí như: tính tẩu, đàn môi, pí pặp, khèn, chiêng, trống,... Sinh hoạt văn hóa nổi bật là ca hát dân gian trong những ngày lễ hội *xên bản, xên mừng*, đám cưới, tiệc rượu, hát đối đáp,... đặc biệt là sinh hoạt *hạn khuống* - môi trường diễn xướng của văn học dân gian Thái - cái nôi gìn giữ bảo lưu và sáng tạo văn hóa, văn nghệ dân gian.

Nhờ có ngôn ngữ và văn tự sớm, người Thái đã xây dựng cho mình một nền văn học dân gian phong phú được bảo lưu cho đến ngày nay. Đó là những cuốn sách lịch sử, cuốn sách ghi lại những tập tục xưa, tập dân ca, những bản trường ca bằng thơ, lời răn người. Đời sống văn nghệ dân gian, văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc Thái.

### 2.3.3. Vị trí trong ngôn ngữ và văn học Thái

Người Thái có ngôn ngữ và văn tự riêng từ lâu đời. Tiếng Thái thuộc vào ngữ hệ Thái còn chữ Thái được bắt nguồn từ chữ Phạn cổ được gọi là *xư Táy*. Có giả thiết cho rằng trước thế kỷ 11 - 12, văn tự Thái đã được dùng trong các vùng dân cư cổ. Đến thế kỷ 13 - 14 chữ Thái được phổ biến rộng rãi trong các bản mừng. Chữ Thái có cách cấu tạo rất thống nhất. Chữ Thái thuộc loại hình chữ ghi âm, ghép vần, không thuộc chữ tượng hình như kiểu chữ Hán. Trong một số công trình nghiên cứu, tiếng Thái được các nhà nghiên cứu xếp vào loại hình ngôn ngữ đơn lập, mang những đặc điểm loại hình cơ bản của các tiếng thuộc nhóm Tày - Thái.

Nhờ có chữ viết riêng, có ngôn ngữ, có văn tự, người Thái ở Việt Nam đã xây dựng cho dân tộc mình được một nền văn học phong phú, lưu truyền được nhiều tác phẩm, sổ sách, truyện kể ghi trên giấy bản hoặc trên lá cây. Đó là những tác phẩm do các nghệ nhân dân gian sáng tác, truyền thuyết đã sử về những nhân vật xuất chúng như: Lò Lệt, Lạng Chượng; truyện thơ nổi tiếng như: *Xóng chụ xon xao, Ý Nội - Nàng Xưa*; những cuốn sách ghi lại phong tục, tập quán, đạo lý làm người như: *Quam tô mương, Tay pú xác, Quam xon cón*,... Văn học Thái là sự tổng kết quá trình tư duy về những sự vật, hiện tượng khách quan của tự nhiên và xã hội; có thể xem nó như một bức tranh lịch sử xã hội sinh động được khái quát hóa trong các hình tượng của nghệ thuật ngôn ngữ.

Chữ Thái không chỉ được dùng để lưu giữ các sáng tác dân gian mà nó ⇒ Xem tiếp trang 74